

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý IV năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm 2011	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2010

1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	1.134,696,322,292	863,387,814,925	4,135,636,424,988	3,021,654,856,536
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL.1	33,750,296	1,151,199,476	10,082,120,795	12,479,934,277
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL.1	1,134,662,571,996	862,236,615,449	4,125,554,304,193	3,009,174,922,259
4.	Giá vốn hàng bán	11	VL.2	973,981,479,595	680,320,350,491	3,427,676,422,258	2,421,857,449,478
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		160,681,092,401	181,916,264,958	697,877,881,935	587,317,472,781
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.3	21,970,661,473	19,877,741,793	100,713,465,828	67,838,069,858
7.	Chi phí tài chính	22	VL.4	32,144,660,783	32,749,679,819	110,420,277,595	88,143,238,643
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		18,321,052,353	10,239,407,030	67,496,560,993	44,772,283,092
8.	Chi phí bán hàng	24	VL.5	45,510,759,106	54,556,140,022	175,939,931,095	210,928,260,566
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL.6	14,019,580,723	50,237,844,561	54,949,069,142	86,913,426,339
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		90,976,753,262	64,250,342,349	457,282,069,931	269,170,617,091
11.	Thu nhập khác	31	VL.7	13,570,590,773	1,781,134,913	14,990,335,514	4,435,838,681
12.	Chi phí khác	32	VL.8	12,559,253,896	550,109,644	15,582,634,545	725,465,889
13.	Lợi nhuận khác	40		1,011,336,877	1,231,025,269	(592,299,031)	3,710,372,792
14.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45					
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		91,988,090,139	65,481,367,618	456,689,770,900	272,880,989,883
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VL.21	9,957,968,641	14,743,501,655	73,162,713,910	50,540,560,566
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.16	796,754,952	(2,000,007,467)	1,543,919,203	(6,235,120,500)
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		81,233,366,546	52,737,873,430	381,983,137,787	228,575,549,817
18.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		5,291,248,421	7,982,510,697	17,734,957,970	14,540,577,687
18.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		75,942,118,125	44,755,362,733	364,248,179,817	214,034,972,130
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL.9	1,653		7,926	4,573



Nguyễn Thị Kim Đào

Kế toán trưởng



Đồng Tháp, ngày 12 tháng 02 năm 2012



Trương Thị Lệ Khanh

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,723,805,986,096	1,180,827,088,551
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	333,658,734,566	126,419,394,330
1. Tiền	111		317,158,734,566	103,419,394,330
2. Các khoản tương đương tiền	112		16,500,000,000	23,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		204,683,289	37,562,972,164
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	204,683,289	37,562,972,164
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		554,094,348,832	345,314,077,746
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	484,644,507,034	333,366,537,831
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	65,034,649,940	12,922,329,731
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	6,969,181,203	3,056,076,828
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(2,553,989,345)	(4,030,866,644)
IV. Hàng tồn kho	140		794,764,435,652	642,317,455,278
1. Hàng tồn kho	141	V.7	855,173,047,761	657,405,301,010
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(60,408,612,109)	(15,087,845,732)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		41,083,783,757	29,213,189,033
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	1,211,599,259	821,149,166
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12,631,101,657	15,975,180,965
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	1,212,319,502	537,381,441
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	26,028,763,339	11,879,477,461

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		654,250,660,002	641,259,325,478
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		573,365,626,509	588,797,962,752
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	485,912,382,092	527,681,392,368
<i>Nguyên giá</i>	222		762,529,066,183	722,995,848,063
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(276,616,684,091)	(195,314,455,695)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	60,725,413,650	48,226,156,602
<i>Nguyên giá</i>	228		62,698,564,801	49,692,887,301
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,973,151,151)	(1,466,730,699)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	26,727,830,767	12,890,413,782
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Lợi thế thương mại	269		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		80,885,033,493	52,461,362,726
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	55,231,858,916	27,180,901,134
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.16	7,304,424,900	8,848,344,103
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.17	18,348,749,677	16,432,117,489
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2,378,056,646,098	1,822,086,414,029

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1,107,584,986,393	836,972,067,754
I. Nợ ngắn hạn	310		1,045,826,898,645	746,457,409,480
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	633,578,126,990	352,351,393,210
2. Phải trả người bán	312	V.19	125,969,008,228	99,195,986,814
3. Người mua trả tiền trước	313	V.20	6,881,267,346	577,547,162
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	46,651,581,400	33,391,496,069
5. Phải trả người lao động	315	V.22	40,109,401,590	30,177,526,068
6. Chi phí phải trả	316	V.23	11,734,670,901	7,933,634,694
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.24	116,364,964,778	168,538,948,671
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.25	34,550,000,000	34,550,000,000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.26	29,987,877,412	19,740,876,792
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		61,758,087,748	90,514,658,274
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.27	58,942,312,000	88,869,872,693
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.28	2,815,775,748	1,644,785,581
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,207,535,718,351	936,000,963,008
I. Vốn chủ sở hữu	410		1,207,535,718,351	936,000,963,008
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.29	471,512,730,000	471,512,730,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.29	190,492,000,000	191,808,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.29	(36,897,215,355)	(32,725,310,618)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.29	3,727,126,332	1,799,344,642
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.29	136,774,604	136,774,604
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.29	578,564,302,770	303,469,424,380
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		62,935,941,354	49,113,383,267
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2,378,056,646,098	1,822,086,414,029

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số	
		cuối kỳ	đầu kỳ
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		15,135,976.75	5,656,325.53
Euro (EUR)		307.06	438.09
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Đồng Tháp, ngày 12 tháng 02 năm 2012

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý IV năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		456,689,770,900	272,880,989,883
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.12, V.13	83,403,731,998	73,685,227,992
- Các khoản dự phòng	03	V.6, V.8	43,843,889,078	(1,703,155,040)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	4,682,881,064	8,982,681,278
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7, VI.8	(13,559,258,053)	(10,621,338,599)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	67,496,560,993	44,772,283,092
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		642,557,575,980	387,996,688,606
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(210,007,949,085)	(42,762,670,800)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(183,129,295,665)	(302,343,541,741)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(26,961,461,543)	163,424,043,657
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(28,441,407,875)	(7,432,997,671)
- Tiền lãi vay đã trả	13	VI.4	(83,799,643,229)	(45,219,335,672)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.21	(59,868,106,220)	(34,972,830,296)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	V.26	3,038,620,070	157,646,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(11,774,066,450)	(8,603,706,717)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		41,614,265,983	110,243,295,366
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.12, V.13, V.14	(73,953,381,149)	(109,751,050,341)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	13,514,979,459	160,454,545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(29,055,565,763)	(34,697,256,415)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	66,413,854,638	12,434,284,251
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	10,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	13,548,009,765	8,975,526,226
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(9,532,103,050)	(122,868,041,734)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.29	-	126,960,000,000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.29	(5,487,904,737)	(32,725,310,618)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.18	2,359,426,172,343	1,193,093,765,419
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.18, V.27	(2,110,674,323,676)	(1,359,196,261,558)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.29	(68,915,736,000)	(25,850,000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u><i>174,348,207,930</i></u>	<u><i>(71,893,656,757)</i></u>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	<i>50</i>		<i>206,430,370,863</i>	<i>(84,518,403,125)</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	<i>V.1</i>	<i>126,419,394,330</i>	<i>209,967,674,177</i>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>		<i>808,969,373</i>	<i>970,123,278</i>
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	<i>70</i>	<i>V.1</i>	<u><i>333,658,734,566</i></u>	<u><i>126,419,394,330</i></u>



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Đồng Tháp, ngày 12 tháng 02 năm 2012
Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Quý IV/2011

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ :** Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh :** Sản xuất - chế biến.
- Ngành nghề kinh doanh :** Nuôi trồng, đánh bắt, chế biến, bảo quản thủy hải sản và các sản phẩm từ thủy hải sản; Mua bán thủy hải sản; mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản; Các dịch vụ thú y thủy sản (tư vấn sử dụng thuốc, thức ăn và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản); Kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái; Sản xuất bao bì giấy, in các loại; Xây dựng nhà các loại, kinh doanh bất động sản.
- Tổng số các công ty con :** 05
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất : 03

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	Quốc lộ 30, Cụm công nghiệp Thanh Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp	69,80%	69,80%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	No. 2 , Mahogany Drive, Irvine, California 92620, Hoa Kỳ	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Lương Thực Vĩnh Hoàn 2	Ấp Tân An, Xã Bình Thạnh Trung, Huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	98,60%	98,60%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng Báo cáo tài chính hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 06
Tài sản cố định khác	03 - 06

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 đến 05 năm.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 06 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Tập đoàn. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

14. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

15. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

18. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tài sản và nợ phải trả của các cơ sở ở nước ngoài được qui đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Các khoản mục trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được qui đổi sang VND theo tỷ giá bình quân trong năm. Chênh lệch tỷ giá từ việc chuyển đổi Báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài được ghi nhận vào nguồn vốn chủ sở hữu (chi tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khi thanh lý khoản đầu tư vào cơ sở ở nước ngoài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế liên quan đến cơ sở ở nước ngoài đó được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD
31/12/2011 : 20.828 VND/USD

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền mặt	2.262.458.395	4.991.498.222
Tiền gửi ngân hàng	308.796.276.171	87.041.765.338
Tiền đang chuyển	6.100.000.000	11.386.130.770
Các khoản tương đương tiền (*)	16.500.000.000	23.000.000.000
Cộng	333.658.734.566	126.419.394.330

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm (*)	204.683.289	32.197.256.415
Cho Ông Phan Ngọc Ân tạm ứng tiền hàng		5.365.715.749
Cộng	204.683.289	37.562.972.164

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	199.304.782.156	149.395.587.811
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	13.167.335.726	36.854.446.317
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	272.172.389.152	147.116.503.703
Cộng	<u>484.644.507.034</u>	<u>333.366.537.831</u>

4. Trả trước người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	61.013.842.802	12.808.234.185
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	2.217.807.138	114.095.546
Công ty TNHH Lương Thực Vĩnh Hoàn 2	1.803.000.000	
Cộng	<u>65.034.649.940</u>	<u>12.922.329.731</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu		2.066.879.098
Các khoản phải thu khác	6.969.181.203	989.197.730
Cộng	<u>6.969.181.203</u>	<u>3.056.076.828</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ).

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Hàng mua đang đi đường	19.450.224.909	192.983.833.928
Nguyên liệu, vật liệu	131.272.305.725	158.607.701.186
Công cụ, dụng cụ	3.208.887.791	2.591.995.474
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	312.880.485.208	207.797.886.346
Thành phẩm	388.294.384.716	83.491.197.528
Hàng hóa	66.759.412	486.130.764
Hàng gửi đi bán		11.446.555.784
Cộng	<u>855.173.047.761</u>	<u>657.405.301.010</u>

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Nguyên liệu, vật liệu	805.771.858	337.367.454
Công cụ, dụng cụ	69.356.115	22.003.532
Thành phẩm	59.533.484.136	14.728.474.746
Cộng	<u>60.408.612.109</u>	<u>15.087.845.732</u>

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

Số đầu năm	821.149.166
Tăng trong năm	3.241.599.232

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	<u>(2.851.149.139)</u>				
Số cuối năm	<u>1.211.599.259</u>				
10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước					
	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu kỳ</u>	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu nộp thừa				5.684.687	
Thuế xuất nhập khẩu nộp thừa	1.212.319.502			531.696.754	
Cộng	<u>1.212.319.502</u>			<u>537.381.441</u>	
11. Tài sản ngắn hạn khác					
	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu kỳ</u>	
Tạm ứng	25.174.915.795			11.190.533.994	
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	853.847.544			688.943.467	
Cộng	<u>26.028.763.339</u>			<u>11.879.477.461</u>	
12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình					
	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	281.924.894.926	422.398.368.510	16.285.634.584	2.386.950.043	722.995.848.063
Tăng trong năm	8.924.752.049	38.245.925.722	4.198.086.087	154.870.318	51.523.634.176
Mua sắm mới, Đầu tư XDCB hoàn thành	6.266.457.589	38.245.925.722	4.198.086.087	82.812.042	48.793.281.440
Tăng khác	2.658.294.460			72.058.276	2.730.352.736
Giảm trong năm	(11.701.105.131)	(289.310.925)			(11.990.416.056)
Thanh lý, nhượng bán	(11.701.105.131)	(289.310.925)			(11.990.416.056)
Số cuối năm	<u>279.148.541.844</u>	<u>460.354.983.307</u>	<u>20.483.720.671</u>	<u>2.541.820.361</u>	<u>762.529.066.183</u>
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	37.430.970.248	150.953.454.892	5.847.268.087	1.082.762.468	195.314.455.695
Tăng trong năm	19.701.080.183	59.950.639.599	2.901.583.272	527.718.284	83.081.021.338
Khấu hao trong năm	19.534.936.831	59.950.639.599	2.901.583.272	510.151.844	82.897.311.546
Tăng khác	166.143.352			17.566.440	183.709.792
Giảm trong năm	(1.503.213.188)	(275.579.754)			(1.778.792.942)
Thanh lý, nhượng bán	(1.503.213.188)	(275.579.754)			(1.778.792.942)
Số cuối năm	<u>55.628.837.243</u>	<u>210.628.514.737</u>	<u>8.748.851.359</u>	<u>1.610.480.752</u>	<u>276.616.684.091</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	244.493.924.678	271.444.913.618	10.438.366.497	1.304.187.575	527.681.392.368
Số cuối năm	<u>223.519.704.601</u>	<u>249.726.468.570</u>	<u>11.734.869.312</u>	<u>931.339.609</u>	<u>485.912.382.092</u>

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá là 335.750.738.229 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp và Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	48.943.591.501	749.295.800	49.692.887.301
Tăng trong năm	14.257.577.500		14.257.577.500
Giảm trong năm	(1.251.900.000)		(1.251.900.000)
Số cuối năm	61.949.269.001	749.295.800	62.698.564.801
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	994.510.321	472.220.378	1.466.730.699
Khấu hao trong năm	381.861.408	124.559.044	506.420.452
Số cuối năm	1.376.371.729	596.779.422	1.973.151.151
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	47.949.081.180	277.075.422	48.226.156.602
Số cuối năm	60.572.897.272	152.516.378	60.725.413.650

Quyền sử dụng đất có nguyên giá là 22.568.847.901 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp và Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua tài sản cố định	5.610.388.946	3.508.540.151	(9.021.999.409)		96.929.688
Xây dựng cơ bản dở dang	6.547.843.680	29.212.314.290	(8.598.248.709)	(531.008.182)	26.630.901.079
Công trình nhà xưởng số 1	75.386.075				75.386.075
Công trình nhà xưởng số 3	1.920.571.250	654.314.643			2.574.885.893
Chi phí đào ao nuôi cá	3.453.548.173	10.309.397.024	(8.063.898.165)		5.699.047.032
Các công trình khác	1.098.338.182	1.623.733.194	(534.350.544)	(531.008.182)	1.656.712.650
Công trình nhà máy VH2		16.624.869.429			16.624.869.429
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	732.181.156	5.316.370.192	(6.048.551.348)		
Cộng	12.890.413.782	38.037.224.633	(23.668.799.466)	(531.008.182)	26.727.830.767

15. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ xuất dùng, tiền thuê đất chờ phân bổ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm 27.180.901.134

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tăng trong năm	36.930.784.916	
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	<u>(8.879.827.134)</u>	
Số cuối năm	<u>55.231.858.916</u>	
16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:		
Số đầu năm	8.848.344.103	
Phát sinh trong năm	7.304.424.900	
Hoàn nhập trong năm	<u>(8.848.344.103)</u>	
Số cuối năm	<u>7.304.424.900</u>	
17. Tài sản dài hạn khác		
Các khoản ký quỹ dài hạn.		
18. Vay và nợ ngắn hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	627.278.126.990	346.351.393.210
- Vay Ngân hàng TNHH HSBC Việt Nam ^(a)	19.616.660.608	29.400.329.580
- Vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(b)	413.791.466.382	118.151.063.630
- Ngân hàng Công Thương Việt Nam – chi nhánh Đồng Tháp ^(c)	16.500.000.000	
- Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp ^(d)	177.370.000.000	198.800.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.26)	6.300.000.000	6.000.000.000
Cộng	<u>633.578.126.990</u>	<u>352.351.393.210</u>
^(a)	Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động của công ty. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nguyên vật liệu trong kho của Công ty với trị giá 80.000.000.000 VND và một bảo lãnh Công ty từ Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn trị giá 40 tỷ đồng.	
^(b)	Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản cố định thuộc phân xưởng 1 và phân xưởng 2.	
^(c)	Khoản vay Ngân hàng Công Thương Việt Nam – chi nhánh Đồng Tháp để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản tiền gửi.	
^(d)	Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản thuộc phân xưởng 3.	

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
Vay ngắn hạn	346.351.393.210	2.359.426.172.343	(2.081.046.762.983)	2.547.324.420	627.278.126.990
Vay dài hạn đến hạn trả	6.000.000.000	6.300.000.000	(6.000.000.000)		6.300.000.000
Cộng	<u>352.351.393.210</u>	<u>2.365.726.172.343</u>	<u>(2.087.046.762.983)</u>	<u>2.547.324.420</u>	<u>633.578.126.990</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	99.001.233.602	60.502.117.769
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn I	25.533.766.826	38.443.228.295
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	1.434.007.800	250.640.750
Cộng	<u>125.969.008.228</u>	<u>99.195.986.814</u>

20. Người mua trả trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	6.188.601.321	577.547.162
Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn I	692.666.025	
Cộng	<u>6.881.267.346</u>	<u>577.547.162</u>

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa		5.055.235.454	(5.055.235.454)	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	(5.684.687)	28.771.335.110	(28.765.216.715)	433.708
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	(531.696.754)	7.385.323.451	(8.065.946.199)	(1.212.319.502)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	33.105.222.039	73.162.713.910	(59.653.840.663)	46.614.095.286
Thuế thu nhập cá nhân	286.274.030	1.829.443.392	(2.078.665.016)	37.052.406
Thuế nhà đất	-	442.068.489	(442.068.489)	
Các loại thuế khác	-	6.000.000	(6.000.000)	
Cộng	<u>32.854.114.628</u>	<u>116.652.119.806</u>	<u>(104.066.972.536)</u>	<u>45.439.261.898</u>

(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.10).

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
Hàng thủy sản sơ chế, phụ phẩm nội tiêu, hàng mua không qua chế biến	5%
Hàng thủy sản đã qua chế biến nội tiêu, vật tư bao bì, phí ủy thác xuất khẩu	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Các Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của các Công ty trong Tập đoàn như sau:

- Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Riêng đối với hoạt động mở rộng qui mô, nâng cao năng lực sản xuất Công

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

ty cổ phần Vĩnh Hoàn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 01 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo.

- Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm và bằng 25% trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo.
- Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo luật thuế thu nhập của nước Mỹ.

Các loại thuế khác

Các Công ty kê khai và nộp theo qui định.

22. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

23. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Chi phí phải trả cho luật sư		4.545.261.990
Chi phí khác	11.734.670.901	3.388.372.704
Cộng	<u>11.734.670.901</u>	<u>7.933.634.694</u>

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Kinh phí công đoàn	2.598.818.514	1.693.839.082
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.106.300.846	554.638.042
Cổ tức phải trả	58.448.500	45.400.000
Tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu, phải trả khác	112.601.396.918	166.245.071.547
Cộng	<u>116.364.964.778</u>	<u>168.538.948.671</u>

25. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng chi phí của vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ liên quan đến năm thứ 7 và năm thứ 8.

26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	19.740.876.792
Trích quỹ trong năm	20.761.916.810
Tặng khác	1.259.150.260
Chi quỹ trong năm	<u>(11.774.066.450)</u>
Số cuối năm	<u>29.987.877.412</u>

27. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh		23.627.560.693
Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp ^(a)	58.942.312.000	65.242.312.000
Cộng	<u>58.942.312.000</u>	<u>88.869.872.693</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(a) Khoản vay Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp để đầu tư dự án Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

Từ 01 năm trở xuống	6.300.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	58.942.312.000
Tổng nợ	65.242.312.000

28. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	1.644.785.581
Số trích lập trong năm	1.357.469.167
Số chi trong năm	(186.479.000)
Số cuối năm	2.815.775.748

29. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm .

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	47.151.273
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	47.151.273
- Cổ phiếu phổ thông	47.151.273
- Cổ phiếu ưu đãi	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(1.198.750)
- Cổ phiếu phổ thông	(1.198.750)
- Cổ phiếu ưu đãi	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.952.523
- Cổ phiếu phổ thông	45.952.523
- Cổ phiếu ưu đãi	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) từ USD sang VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	4.135.636.424.988	3.021.654.856.536
- Doanh thu bán hàng hóa	151.001.785.612	384.268.817.325
- Doanh thu bán thành phẩm	3.221.773.606.157	2.278.324.239.904

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	46.696.566.522	28.094.162.374
- Doanh thu nguyên vật liệu	261.885.273.833	24.855.854.162
- Doanh thu phế phẩm	454.279.192.864	306.111.782.771
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(10.082.120.795)	(12.479.934.277)
- Giảm giá hàng bán	(194.985.077)	(632.572.009)
- Hàng bán bị trả lại	(9.887.135.718)	(11.847.362.268)
Doanh thu thuần	<u>4.125.554.304.193</u>	<u>3.009.174.922.259</u>
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	149.912.865.171	381.415.752.278
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	3.212.780.405.803	2.268.697.370.674
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	46.696.566.522	28.094.162.374
- Doanh thu thuần nguyên vật liệu	261.885.273.833	24.855.854.162
- Doanh thu thuần phế phẩm	454.279.192.864	306.111.782.771

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa	96.003.210.092	488.369.666.035
Giá vốn của thành phẩm	2.694.675.238.977	1.820.788.662.319
Giá vốn của nguyên vật liệu	249.372.376.984	23.492.808.079
Giá vốn của phế phẩm	342.304.829.828	94.940.334.729
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	45.320.766.377	(5.734.021.684)
Cộng	<u>3.427.676.422.258</u>	<u>2.421.857.449.478</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	9.600.599.195	8.965.265.242
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	905.585.149	718.119.508
Lãi ứng trước tiền hàng	1.295.663.299	1.745.165.082
Lãi ứng trước tiền mua nguyên liệu	9.157.512.454	10.225.947.303
Lãi trái phiếu		4.275.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	303.960.041	1.424.859.241
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	79.450.145.690	44.754.438.482
Cộng	<u>100.713.465.828</u>	<u>67.838.069.858</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền vay	67.496.560.993	44.772.283.092
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.986.841.105	10.407.540.519
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	37.936.875.497	32.963.415.032
Cộng	<u>110.420.277.595</u>	<u>88.143.238.643</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	4.631.178.736	4.387.496.983
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	354.960.550	50.720.919
Chi phí khấu hao TSCĐ	95.922.422	80.631.780
Chi phí dịch vụ mua ngoài	101.185.750.025	141.251.032.393
Chi phí khác	69.672.119.362	65.158.378.491
Cộng	175.939.931.095	210.928.260.566

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	22.717.270.283	17.198.579.488
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.549.008.662	916.489.754
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.121.764.567	3.468.337.070
Thuế, phí và lệ phí	1.339.274.997	1.334.223.179
Chi phí dự phòng	(1.880.560.120)	4.030.866.644
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.073.640.603	3.199.519.022
Chi phí khác	22.028.670.151	56.765.411.183
Cộng	54.949.069.142	86.913.426.339

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	13.400.297.897	160.454.545
Thu nhập khác	1.590.037.617	4.275.384.136
Cộng	14.990.335.514	4.435.838.681

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	12.966.736.302	253.821.270
Chi phí khác	2.615.898.243	471.644.619
Cộng	15.582.634.545	725.465.889

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	364.248.179.817	214.034.972.130
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	45.955.326	46.802.593
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.926	4.573

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	46.098.353
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại trong năm	(143.027)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	45.955.326

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>
Hội đồng quản trị và Ban điều hành	
Mua nguyên liệu	27.282.976.720
Bán hàng hóa	134.500.518
Các cá nhân có liên quan	
Mua nguyên liệu	23.998.026.080
Bán hàng hóa	395.769.521

Tại ngày 31/12/2011, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị và Ban điều hành	19.663.800.251	5.613.467.744
Các cá nhân có liên quan	278.594.520	93.385.000
Cộng nợ phải thu	19.942.394.771	5.706.852.744

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức	Công ty do gia đình Chủ tịch HĐQT tham gia góp vốn thành lập
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Công ty con 100% vốn của Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức	
Mua hàng hóa, dịch vụ	22.599.979.059
Bán hàng hóa, thành phẩm, cung cấp dịch vụ, ủy thác xuất khẩu	28.199.831.919

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

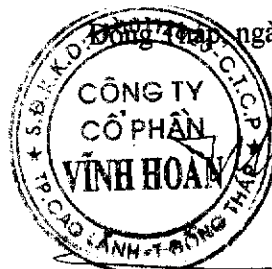
	<u>Năm nay</u>
Nhận ủy thác xuất khẩu	62.564.308.256
<i>Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</i>	
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm, cung cấp dịch vụ	322.764.061.801
Nhận ủy thác xuất khẩu	579.235.689.196
Tạm ứng tiền hàng	31.057.500.000
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	53.211.608.968

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức</i>		1.079.294.941
Phải thu tiền hàng và cung cấp dịch vụ		
Phải thu tiền ủy thác xuất khẩu	4.823.682.529	
<i>Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</i>		
Phải thu tiền hàng và cung cấp dịch vụ	163.276.785	18.405.206.907
Cộng nợ phải thu	4.986.959.314	19.484.501.848
<i>Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức</i>		65.161.572.388
Phải trả tiền nhận ủy thác xuất khẩu	2.692.462.513	
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	2.134.179.135	-
<i>Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</i>		
Phải trả tiền nhận ủy thác xuất khẩu	108.101.129.232	99.820.646.049
Phải trả tiền hàng ứng trước	691.236.000	
Phải trả tiền thu hộ	712.250.000	
Cộng nợ phải trả	114.331.256.880	164.982.218.437



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

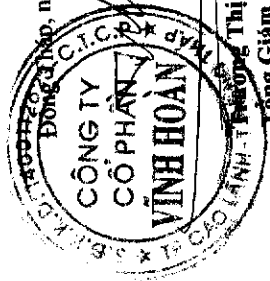
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Chụ ý: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	325,680,000,000	92,448,000,000	-	861,407,971	136,774,604	223,193,216,695 (15,526,034,445)	937,936,671
Số dư đầu năm trước	-	-	-	937,936,671	-	-	-
Trích các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	(9,422,100,000)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh	-	-	-	-	-	(108,810,630,000)	-
chuyển đổi báo cáo	-	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn do phát hành cổ phiếu thường	9,422,100,000	-	-	-	-	-	126,960,000,000
cho nhân viên	108,810,630,000	-	-	-	-	-	(32,725,310,618)
Tặng vốn do chia cổ tức bằng cổ phiếu	27,600,000,000	99,360,000,000	-	-	-	-	214,034,972,130
Phát hành cổ phiếu tăng vốn	-	-	(32,725,310,618)	-	-	-	936,000,963,008
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	-	-	-	214,034,972,130	-
Lợi nhuận trong năm	471,512,730,000	191,808,000,000	(32,725,310,618)	1,799,344,642	136,774,604	303,469,424,380	936,000,963,008
Số dư cuối năm trước	471,512,730,000	191,808,000,000	(32,725,310,618)	1,799,344,642	136,774,604	303,469,424,380	936,000,963,008
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	-	-	-	-	-
Trả cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh	-	-	-	-	-	-	-
chuyển đổi báo cáo	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	471,512,730,000	190,492,000,000	(36,897,215,355)	3,727,126,332	136,774,604	578,564,302,770	1,207,535,718,351
	-	-	-	1,927,781,690	-	-	1,927,781,690
	-	-	-	3,727,126,332	-	-	3,727,126,332

Đồng Tháp, ngày 12 tháng 02 năm 2012



(Handwritten signature)

Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc